

CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 1/2025

CTCP Giao nhận Vận tải Ngoại Thương

Ngày	31,300 VNĐ		
31/03/2025			
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-9.3%	-0.3%	-

DT thuần	Q1/25
328	tỷ VNĐ
QoQ: ▼56.0 -14.7%	YoY: ▲ 72.0 28.0%

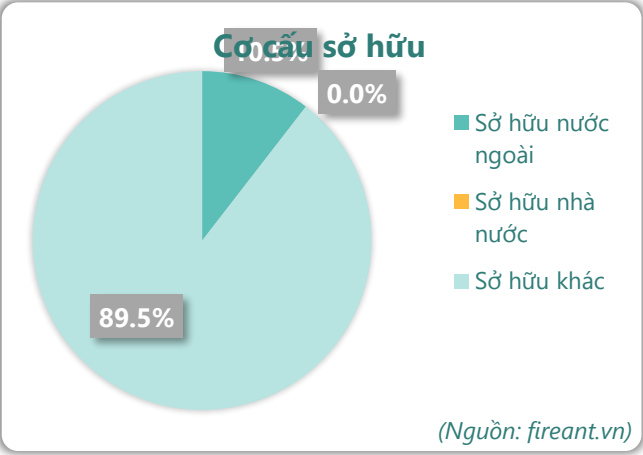
LN thuần	Q1/25
1.29	tỷ VNĐ
QoQ: ▼5.43 -80.8%	YoY: ▲ 4.97 135%

LN sau thuế	Q1/25
0.34	tỷ VNĐ
QoQ: ▼2.41 -87.6%	YoY: ▲ 4.28 109%

Tỷ suất lãi EBIT	Q1/25
1.8%	
YoY: +/- ▼ 1.2%	

ROE (TTM)	Q1/25
2.1%	
YoY: +/- ▲ 2.0%	

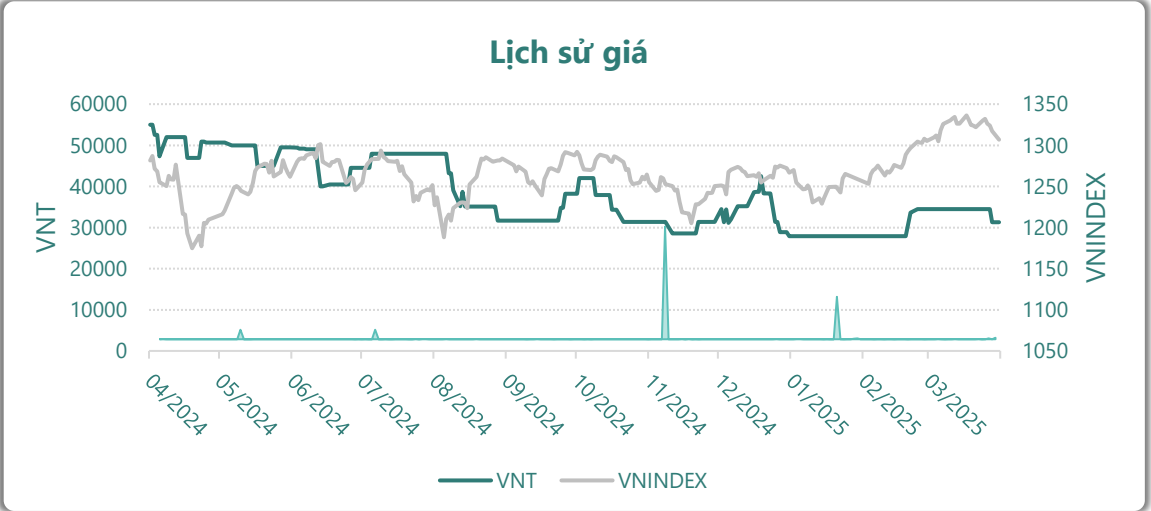
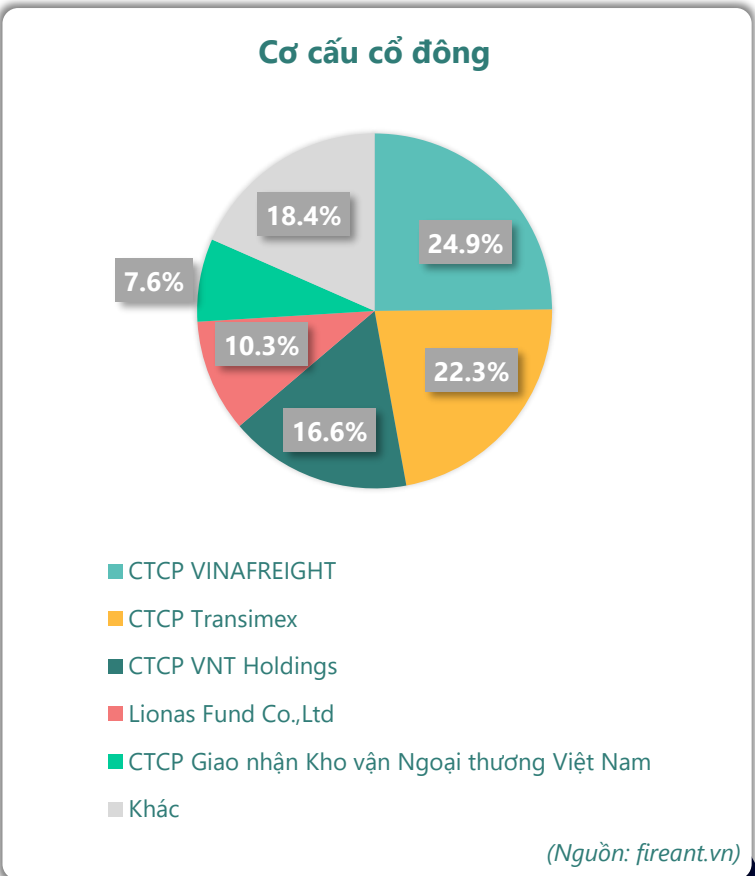
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	27,900 - 55,000
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	521
Số lượng CPLH (CP)	16,644,097
KLGD BQ 20 phiên (CP)	55
Sở hữu nước ngoài	10.5%
Beta	
EPS	271
P/E	115.4



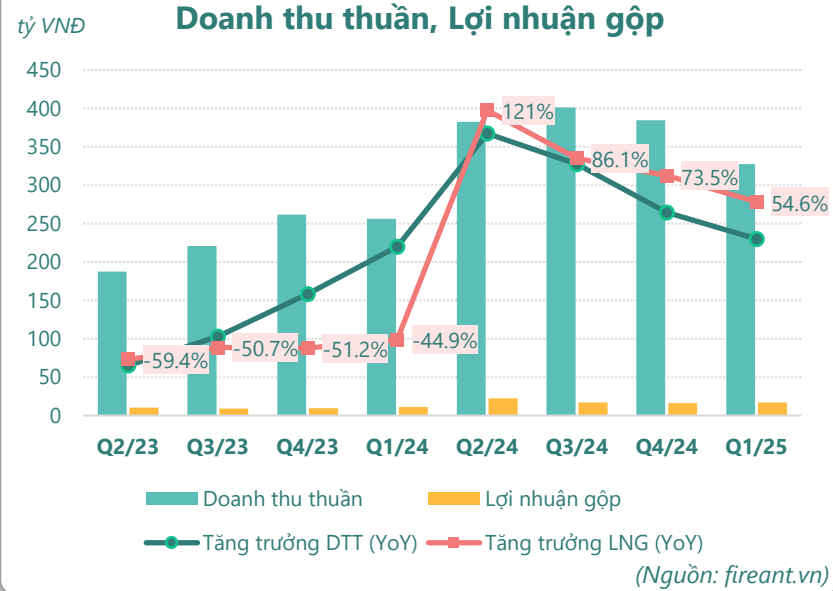
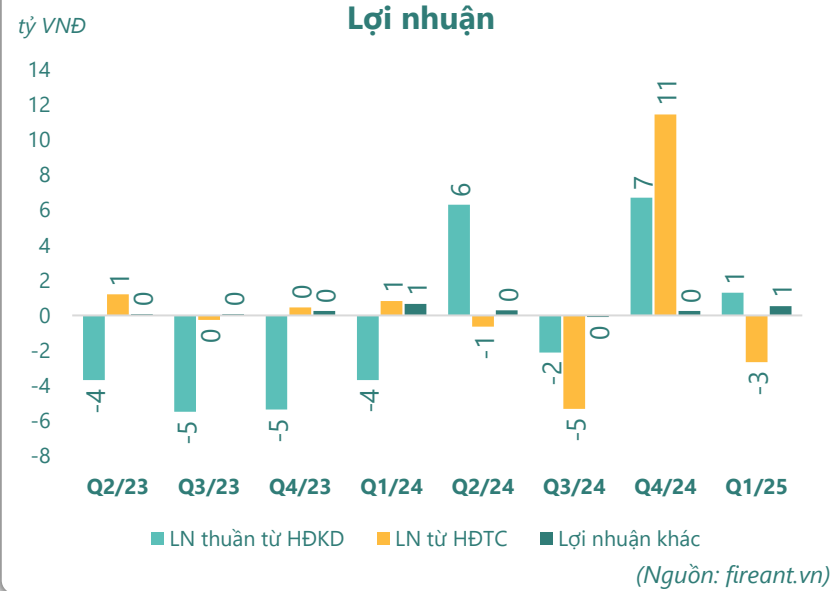
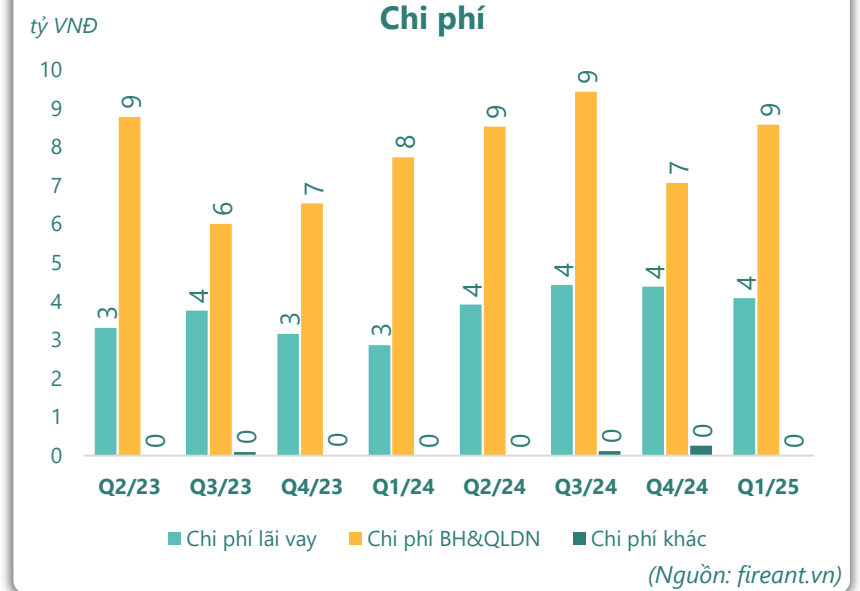
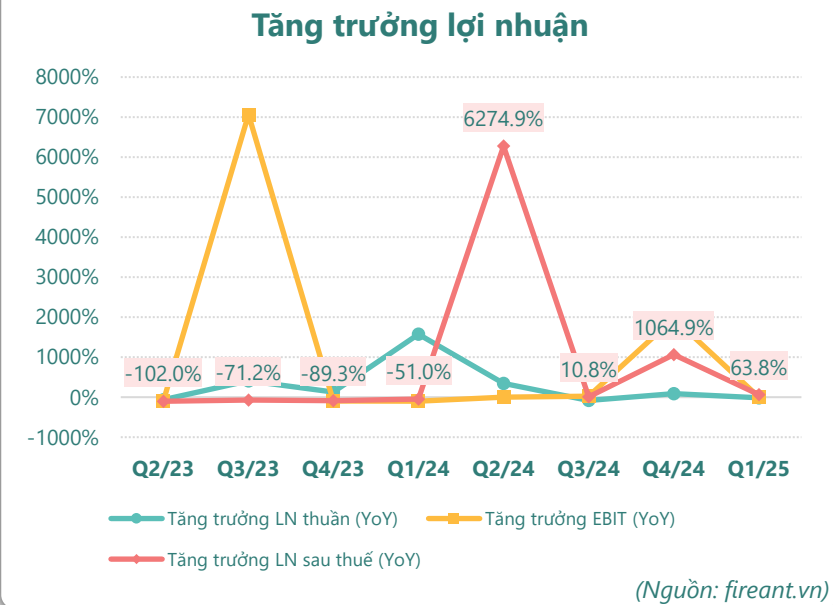
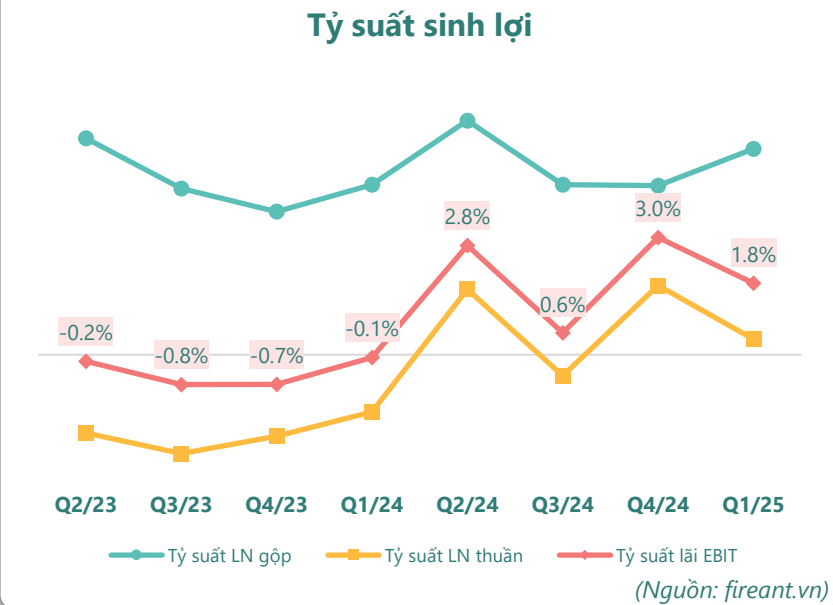
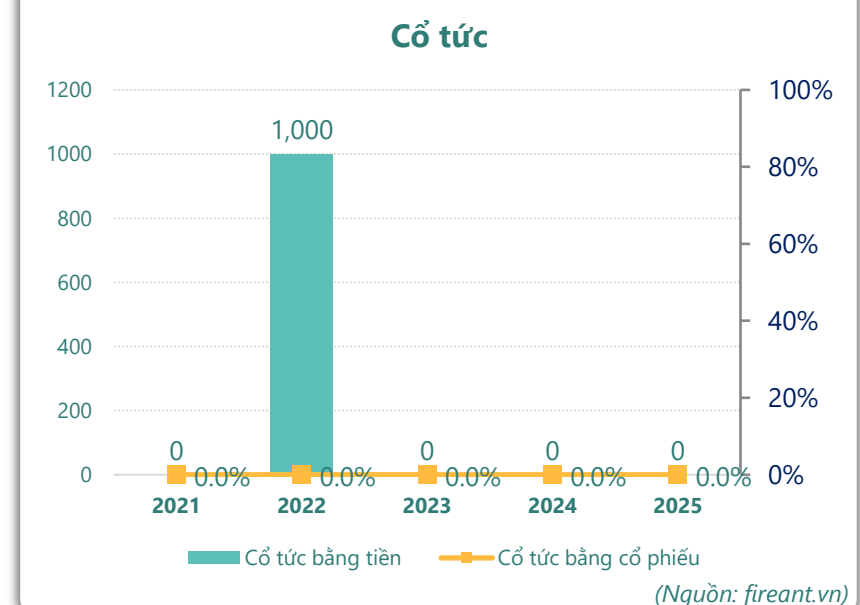
DT thuần	2024
1,433	tỷ VNĐ
YoY: ▲ 553 63.0%	

LN thuần	2024
7.22	tỷ VNĐ
YoY: ▲ 22.6 147%	

LN sau thuế	2024
0.23	tỷ VNĐ
YoY: ▲ 17.8 101%	



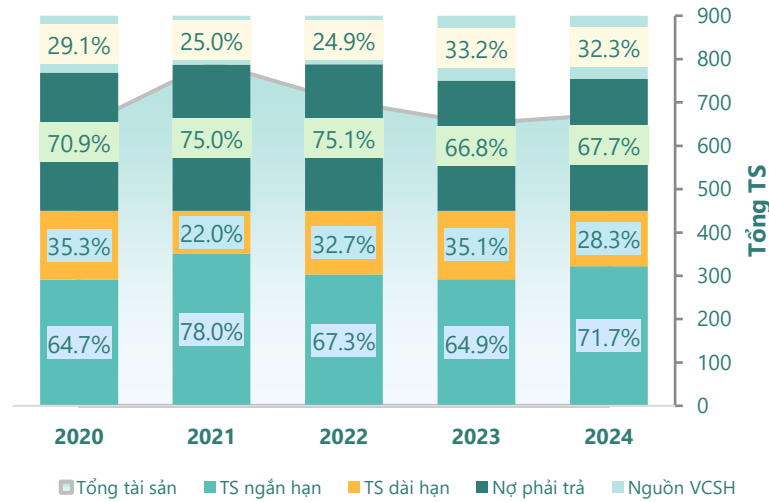
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

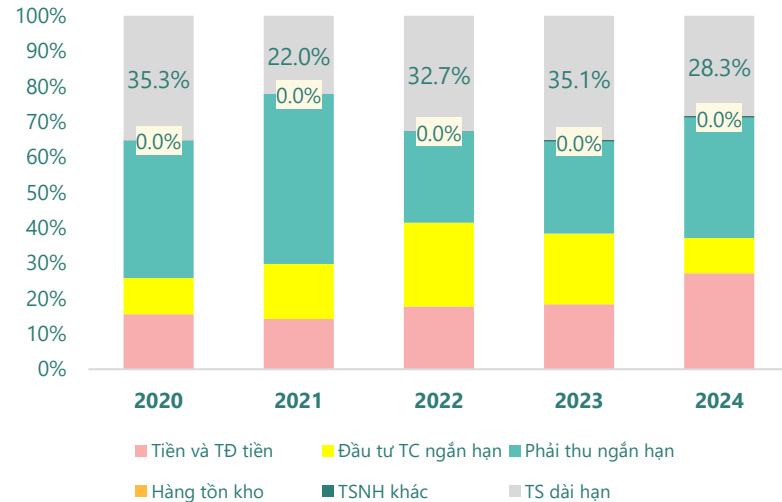
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

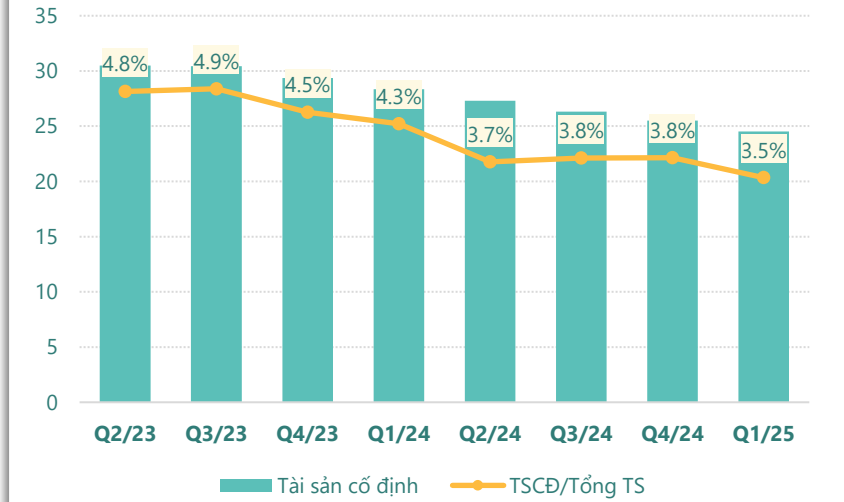
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

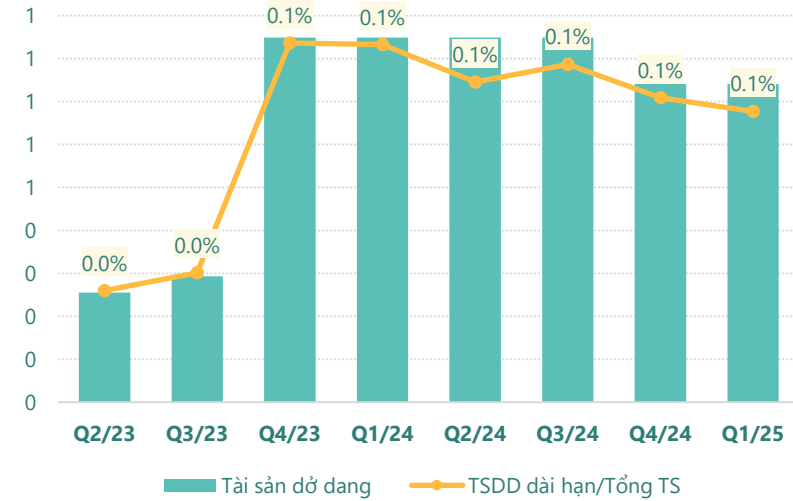
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

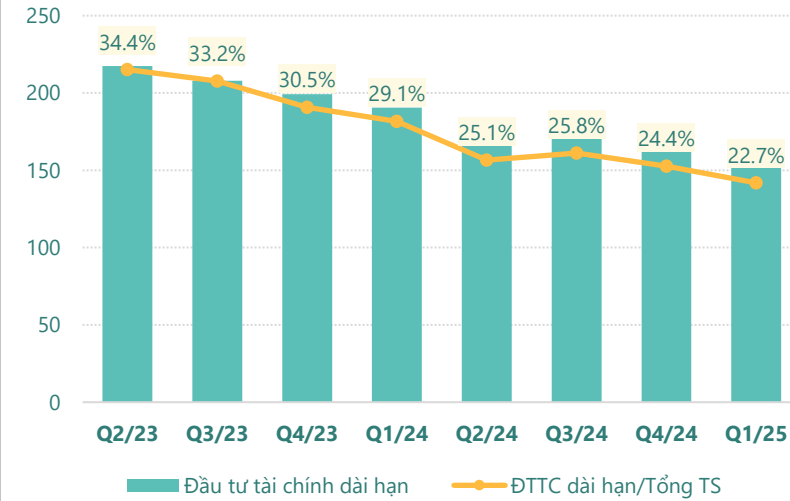
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

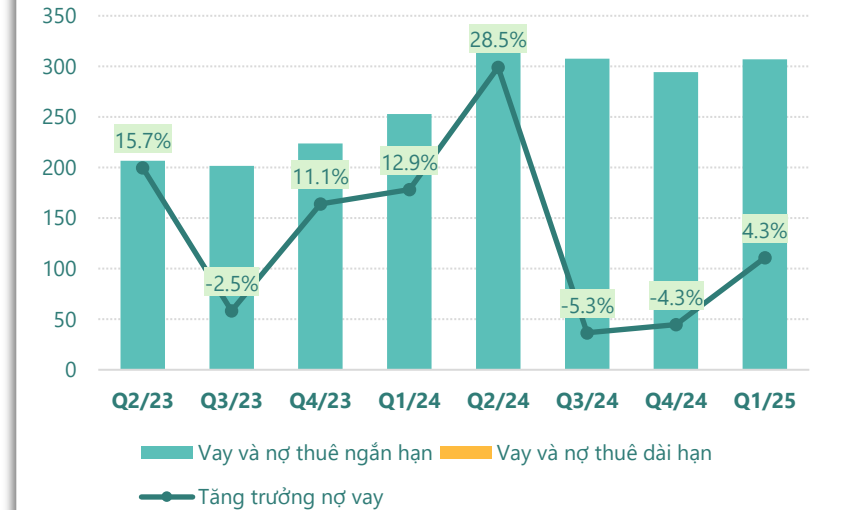
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

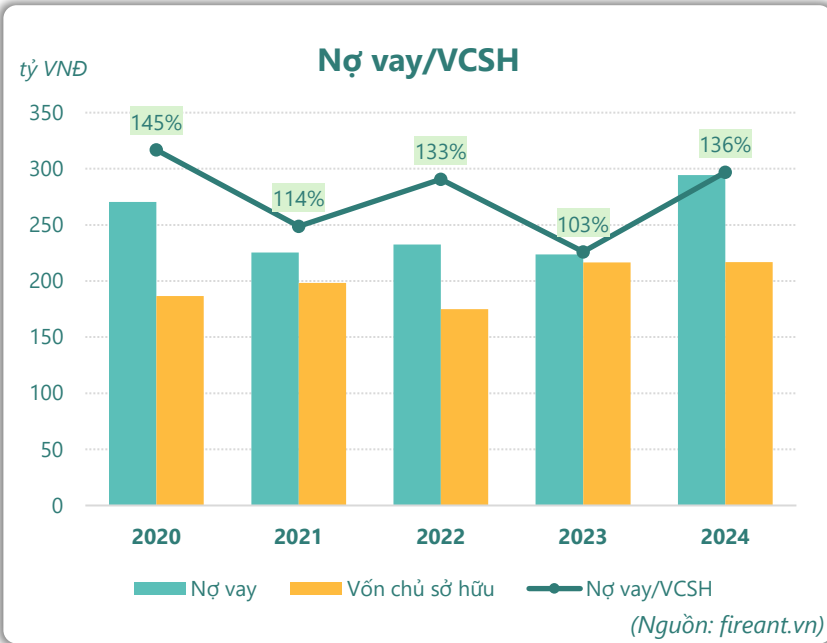
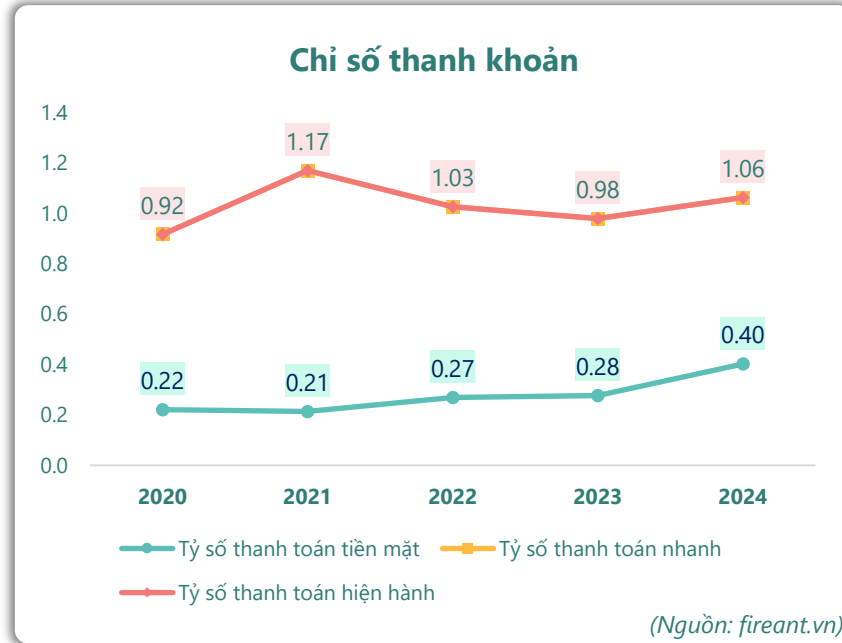
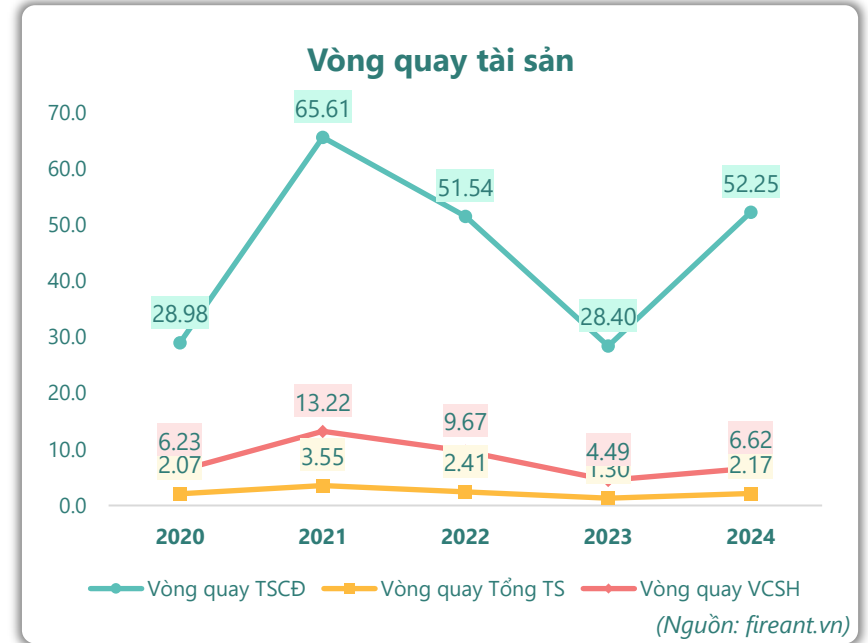
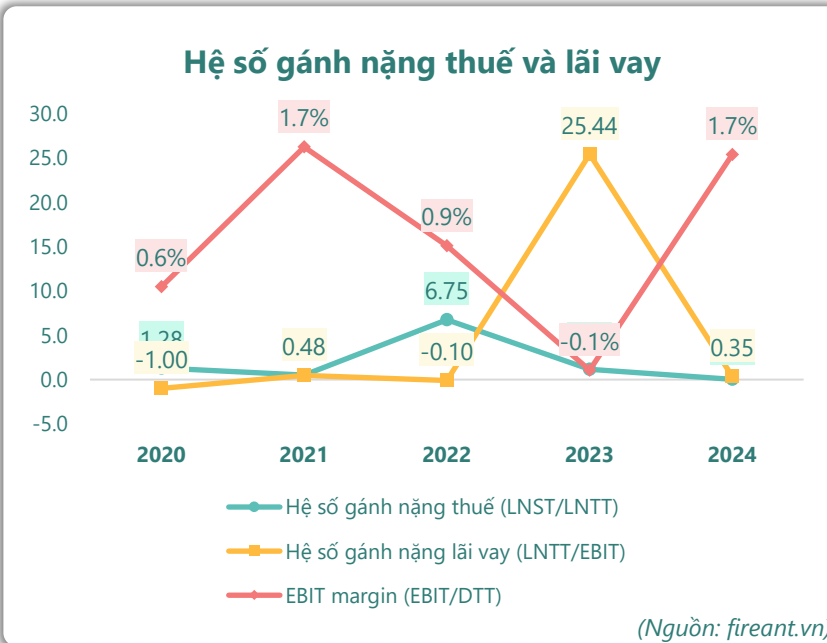
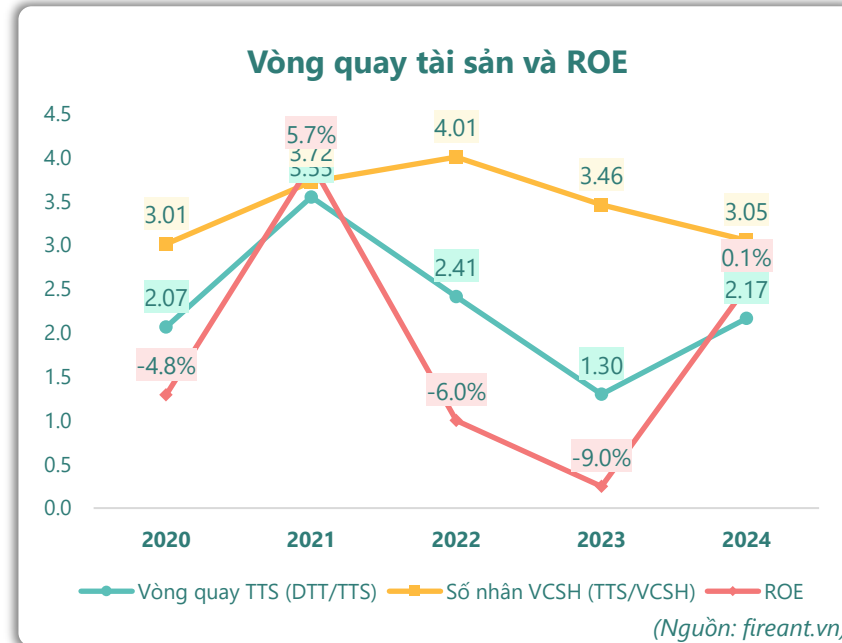
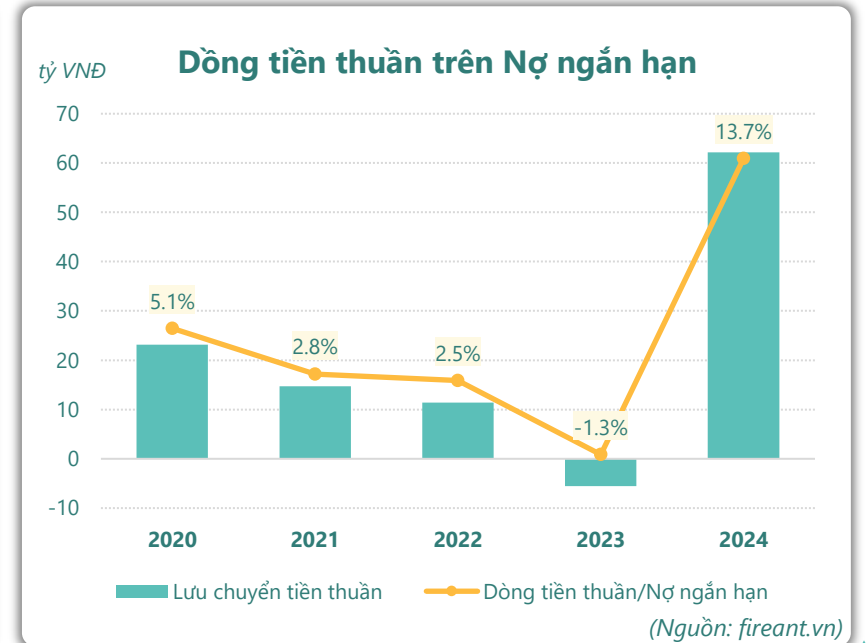
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q1/25	Q1/24	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	328	256	28.0%	1,433	880	63.0%
Giá vốn hàng bán	311	245	26.8%	1,366	831	64.5%
Lợi nhuận gộp	17.0	11.0	54.7%	67.2	48.9	37.5%
Doanh thu HĐTC	1.61	3.91	-58.8%	26.9	16.6	61.7%
Chi phí TC	4.28	3.09	38.4%	20.6	18.8	9.4%
Chi phí lãi vay	4.08	2.86	42.7%	15.6	14.5	7.9%
LN trong công ty LKLD	-4.48	-7.76	42.3%	-33.5	-31.8	-5.4%
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	8.58	7.74	10.9%	32.8	30.4	8.0%
LN thuần từ HĐKD	1.29	-3.68	135%	7.22	-15.4	147%
Lợi nhuận khác	0.54	0.65	-17.2%	1.13	0.39	191%
LN trước thuế	1.83	-3.03	160%	8.35	-15.0	156%
Lợi nhuận sau thuế	0.34	-3.94	109%	0.23	-17.6	101%
LNST của CĐ cty mẹ	0.34	-3.94	109%	0.23	-17.6	101%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	13.4	-54.9	-72.0	13.7	11.2	-28.7
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	2.06	2.16	12.0	42.1	37.4	0.10
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	22.4	28.9	71.9	-17.2	-13.1	12.5
Tiền đầu kỳ	82.0	120	96.5	109	145	182
Lưu chuyển tiền thuần	37.8	-23.9	12.0	38.6	35.5	-16.0
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.21	0.85	0.75	-2.96	1.78	0.32
Tiền cuối kỳ	120	96.5	109	145	182	167

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	703	672	4.7%
Tài sản ngắn hạn	518	482	7.6%
Tiền và tương đương tiền	167	182	-8.6%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	67.6	67.1	0.8%
Phải thu ngắn hạn	282	229	23.3%
Hàng tồn kho	0	0	
Tài sản ngắn hạn khác	2.35	3.70	-36.5%
Tài sản dài hạn	185	190	-2.9%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	24.5	25.5	-3.8%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.74	0.74	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	160	164	-2.7%
Tài sản dài hạn khác	0.10	0.14	-26.4%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	486	455	6.8%
Nợ ngắn hạn	484	453	6.8%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	307	294	4.3%
Phải trả người bán ngắn hạn	133	126	5.8%
Nợ dài hạn	2.38	2.38	0.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	217	217	0.2%
Vốn chủ sở hữu	217	217	0.2%
Vốn điều lệ	167	167	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

